

CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI & DỊCH VỤ CÔNG NGHỆ HOÀNG NGÂN
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI & DỊCH VỤ CÔNG NGHỆ HOÀNG NGÂN

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: HOANG NGAN TECHNOLOGY TRADING & SERVICES COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt: HOANG NGAN TECHNOLOGY TRADING & SERVICES CO., LTD

2. Mã số doanh nghiệp: 0110860657

3. Ngày thành lập: 11/10/2024

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Thôn Phù Mã, Xã Phù Linh, Huyện Sóc Sơn, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0964806291

Fax:

Email: phamduong911@gmail.com

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép và ván mỏng khác	1621
2.	Sản xuất đồ gỗ xây dựng	1622
3.	Sản xuất bao bì bằng gỗ	1623
4.	Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rom, rạ và vật liệu tết bện	1629
5.	Sản xuất bột giấy, giấy và bìa	1701
6.	Sản xuất giấy nhãn, bìa nhãn, bao bì từ giấy và bìa	1702
7.	Sao chép bản ghi các loại	1820
8.	Sản xuất than cốc	1910
9.	Sản xuất sản phẩm dầu mỏ tinh chế	1920
10.	Sản xuất hoá chất cơ bản	2011
11.	Sản xuất phân bón và hợp chất ni tơ	2012
12.	Sản xuất plastic và cao su tổng hợp dạng nguyên sinh	2013
13.	Sản xuất sơn, véc ni và các chất sơn, quét tương tự; sản xuất mực in và ma tít	2022
14.	Sản xuất mỹ phẩm, xà phòng, chất tẩy rửa, làm bóng và chế phẩm vệ sinh	2023
15.	Sản xuất săm, lốp cao su; đắp và tái chế lốp cao su	2211
16.	Sản xuất sản phẩm chịu lửa	2391
17.	Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét	2392
18.	Sản xuất sản phẩm gốm sứ khác	2393
19.	Sản xuất xi măng, vôi và thạch cao	2394

20.	Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ bê tông, xi măng và thạch cao	2395
21.	Cắt tạo dáng và hoàn thiện đá	2396
22.	Sản xuất sắt, thép, gang	2410
23.	Sản xuất các cấu kiện kim loại	2511
24.	Sản xuất thùng, bể chứa và dụng cụ chứa đựng bằng kim loại	2512
25.	Rèn, dập, ép và cán kim loại; luyện bột kim loại	2591
26.	Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại	2592
27.	Sản xuất dao kéo, dụng cụ cầm tay và đồ kim loại thông dụng	2593
28.	Sản xuất linh kiện điện tử	2610
29.	Sản xuất máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính	2620
30.	Sản xuất thiết bị truyền thông	2630
31.	Sản xuất sản phẩm điện tử dân dụng	2640
32.	Sản xuất mô tơ, máy phát, biến thể điện, thiết bị phân phối và điều khiển điện	2710
33.	Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế	3100
34.	Khai thác, xử lý và cung cấp nước	3600
35.	Thoát nước và xử lý nước thải	3700
36.	Thu gom rác thải không độc hại	3811
37.	Thu gom rác thải độc hại	3812
38.	Xử lý và tiêu huỷ rác thải không độc hại	3821
39.	Xử lý và tiêu huỷ rác thải độc hại	3822
40.	Xây dựng nhà để ở	4101
41.	Xây dựng nhà không để ở	4102
42.	Xây dựng công trình đường sắt	4211
43.	Xây dựng công trình đường bộ	4212
44.	Xây dựng công trình điện	4221
45.	Xây dựng công trình cấp, thoát nước	4222
46.	Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc	4223
47.	Xây dựng công trình công ích khác	4229
48.	Xây dựng công trình thủy	4291
49.	Xây dựng công trình khai khoáng	4292
50.	Xây dựng công trình chế biến, chế tạo	4293
51.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4299
52.	Phá dỡ (không bao gồm hoạt động nổ mìn và rà phá bom mìn)	4311
53.	Chuẩn bị mặt bằng (không bao gồm hoạt động nổ mìn và rà phá bom mìn)	4312
54.	Lắp đặt hệ thống điện	4321

55.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí	4322
56.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác	4329
57.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
58.	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác	4390
59.	Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác (trừ đầu giá)	4511
60.	Bán lẻ ô tô con (loại 9 chỗ ngồi trở xuống) (trừ đầu giá)	4512
61.	Đại lý ô tô và xe có động cơ khác Chi tiết: Đại lý ô tô con (loại 9 chỗ ngồi trở xuống) Đại lý xe có động cơ khác (trừ đầu giá)	4513
62.	Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác	4520
63.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác Chi tiết: Bán buôn phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác Bán lẻ phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô con (loại 9 chỗ ngồi trở xuống) (trừ đầu giá)	4530
64.	Bán mô tô, xe máy Chi tiết: Bán buôn mô tô, xe máy Bán lẻ mô tô, xe máy Đại lý mô tô, xe máy (trừ đầu giá)	4541
65.	Bảo dưỡng và sửa chữa mô tô, xe máy	4542
66.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy Chi tiết: Bán buôn phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy Bán lẻ phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy	4543
67.	Đại lý, môi giới, đầu giá hàng hóa Chi tiết: Đại lý bán hàng hóa (trừ hoạt động đầu giá)	4610
68.	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống (trừ loại nhà nước cấm)	4620
69.	Bán buôn gạo, lúa mỳ, hạt ngũ cốc khác, bột mỳ	4631

70.	Bán buôn thực phẩm Chi tiết: Bán buôn thịt và các sản phẩm từ thịt Bán buôn thủy sản Bán buôn rau, quả Bán buôn cà phê Bán buôn chè Bán buôn đường, sữa và các sản phẩm sữa, bánh kẹo và các sản phẩm chế biến từ ngũ cốc, bột, tinh bột Bán buôn trứng và sản phẩm từ trứng; Bán buôn dầu, mỡ động thực vật; Bán buôn hạt tiêu, gia vị khác; Bán buôn thức ăn cho động vật cảnh	4632
71.	Bán buôn đồ uống	4633
72.	Bán buôn sản phẩm thuốc lá, thuốc Lào	4634
73.	Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép	4641
74.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình Chi tiết: Bán buôn vali, cặp, túi, ví, hàng da và giả da khác Bán buôn nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh Bán buôn hàng gốm, sứ, thủy tinh Bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện Bán buôn giường, tủ, bàn ghế và đồ dùng nội thất tương tự Bán buôn sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm Bán buôn dụng cụ thể dục, thể thao	4649
75.	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm	4651
76.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	4652
77.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp	4653
78.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác Chi tiết: Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện) Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy dệt, may, da giày Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi) Bán buôn máy móc, thiết bị y tế Bán buôn các loại máy công cụ, dùng cho mọi loại vật liệu Bán buôn máy móc, thiết bị khác chưa được phân vào đâu để sử dụng cho sản xuất công nghiệp, thương mại, hàng hải và dịch vụ khác Bán buôn thiết bị và dụng cụ đo lường	4659(Chính)
79.	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan	4661

80.	Bán buôn kim loại và quặng kim loại (Trừ vàng miếng, vàng nguyên liệu)	4662
81.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng Chi tiết: Bán buôn tre, nứa, gỗ cây và gỗ chế biến Bán buôn xi măng Bán buôn gạch xây, ngói, đá, cát, sỏi Bán buôn kính xây dựng Bán buôn sơn, vécni Bán buôn gạch ốp lát và thiết bị vệ sinh Bán buôn đồ ngũ kim Bán buôn ống nối, khớp nối và chi tiết lắp ghép khác; Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng: khung xương tấm thạch cao, phào chỉ thạch cao, sàn nhựa Bán buôn thiết bị lắp đặt vệ sinh: Ống, ống dẫn, khớp nối, vòi, cút chữ T, ống cao su	4663
82.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Bán buôn phụ liệu may mặc và giày dép Bán buôn phế liệu, phế thải kim loại, phi kim loại Bán buôn cao su	4669
83.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4711
84.	Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4722
85.	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh	4752
86.	Bán lẻ thảm, đệm, chăn, màn, rèm, vật liệu phủ tường và sàn trong các cửa hàng chuyên doanh	4753
87.	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh	4759
88.	Vận tải hành khách đường bộ khác Chi tiết: Kinh doanh vận tải hành khách theo hợp đồng	4932
89.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ Chi tiết: Kinh doanh vận tải hàng hóa bằng xe ô tô	4933
90.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa (trừ hoạt động kinh doanh bất động sản)	5210
91.	Bốc xếp hàng hóa	5224
92.	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày	5510
93.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động	5610
94.	Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng	5621
95.	Dịch vụ ăn uống khác	5629
96.	Dịch vụ phục vụ đồ uống	5630

97.	Quảng cáo	7310
98.	Cho thuê xe có động cơ	7710
99.	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển Chi tiết: Cho thuê máy móc, thiết bị nông, lâm nghiệp không kèm người điều khiển Cho thuê máy móc, thiết bị xây dựng không kèm người điều khiển	7730
100.	Bán lẻ trò chơi, đồ chơi trong các cửa hàng chuyên doanh	4764
101.	Vệ sinh chung nhà cửa	8121
102.	Vệ sinh công nghiệp và các công trình chuyên biệt	8129
103.	Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan	8130
104.	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại (trừ hợp báo)	8230
105.	Dịch vụ đóng gói	8292
106.	Bán buôn tổng hợp (trừ loại nhà nước cấm)	4690
107.	Dịch vụ hành chính văn phòng tổng hợp	8211
108.	Hoạt động thiết kế chuyên dụng Chi tiết: Hoạt động trang trí nội thất	7410
109.	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp	3320
110.	Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính Chi tiết: - Khắc phục các sự cố máy vi tính và cài đặt phần mềm - Điều tra, khảo sát, nghiên cứu thị trường về công nghệ thông tin. - Tư vấn, phân tích, lập kế hoạch, phân loại, thiết kế trong lĩnh vực công nghệ thông tin. - Tích hợp hệ thống, chạy thử, dịch vụ quản lý ứng dụng, cập nhật, bảo mật. - Thiết kế, lưu trữ, duy trì trang thông tin điện tử. - Bảo hành, bảo trì, bảo đảm an toàn mạng và thông tin. - Cập nhật, tìm kiếm, lưu trữ, xử lý dữ liệu và khai thác cơ sở dữ liệu. - Phân phối sản phẩm công nghệ thông tin. - Đào tạo công nghệ thông tin. - Chứng thực chữ ký điện tử	6209
111.	Lập trình máy vi tính	6201
112.	Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính	6202

